

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Chỉ số VN-Index tăng điểm đầu giờ sáng, nhưng sau đó xu hướng tăng điểm suy yếu dần. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mức 1,666.48 điểm, tăng 5.78 điểm (+0.35%) so với đóng cửa phiên thứ Sáu. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 nhóm ngành giảm điểm. Nhóm Du lịch và Giải trí, Công nghệ Thông tin là những nhóm dẫn đầu đà giảm điểm, ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu Bất động sản (chủ đạo với hai cổ phiếu VIC, VHM) là động lực giữ điểm cho thị trường. Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng trên cả ba sàn, với giá trị bán ròng hơn 800 tỷ đồng. Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm thận trọng, chỉ số VN-Index đi ngang trong biên độ rộng 1,615 – 1,715.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 29/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.78** điểm, đóng cửa tại **1666.48** điểm. HNX-Index **-0.91** điểm, đóng cửa tại **275.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+8.29)**, **VHM (+2.82)**, **VPB (+1.31)**, **GEE (+0.69)**, **HDB (+0.62)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.77)**, **VCB (-0.76)**, **HVN (-0.73)**, **BSR (-0.42)**, **SHB (-0.41)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,418** tỷ đồng, giảm **-5.91%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,103 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 35.64 điểm. Thị trường có **86** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **233** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-753.74** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-174.67 tỷ)**, **DIG (-138.26 tỷ)**, **VNM (-114.61 tỷ)**, **DXG (-88.46 tỷ)**, **MBB (-81.07 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-35.70** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.14%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+2.93%) ([Link báo cáo](#))
HDB (+2.49%) ([Link báo cáo](#))
VPB (+2.30%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.58%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+5.37%) ([Link báo cáo](#))
GEX (+4.53%) ([Link báo cáo](#))
VRE (+2.04%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.14%	-0.58%	0.35%	0.52%
1 tuần	0.61%	1.42%	1.96%	2.34%
1 tháng	-2.45%	-0.71%	-0.94%	-0.17%
3 tháng	14.68%	20.79%	20.95%	26.15%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,666.48	275.15	109.29
% 1D	0.35%	-0.33%	-1.21%
GTKL (tỷ VND)	23,418	1,556	405
%1D	-5.91%	-27.04%	-34.57%
GDNN (tỷ VND)	-753.74	-35.70	-18.40

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	114.08	SSI	-174.67
GEX	110.28	DIG	-138.26
TAL	53.04	VNM	-114.61
TCB	47.01	DXG	-88.46
GMD	40.28	MBB	-81.07

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,644	0.59%	-0.31%
FTSE100	9,332	0.51%	1.14%
Eurostoxx	5,516	0.43%	1.43%
Shanghai	3,863	0.90%	0.89%
Nikkei	45,044	-0.69%	0.00%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

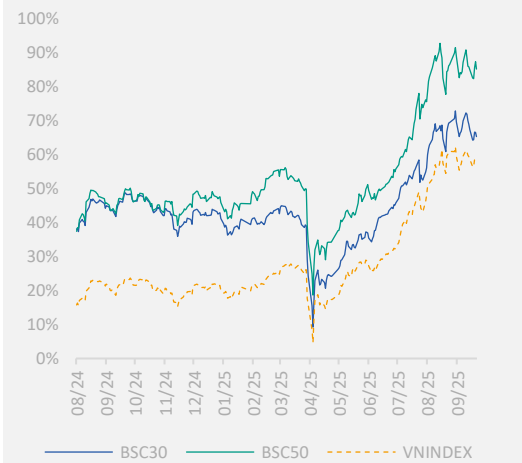
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	69.26	-1.24%
Giá vàng	3,817	1.10%

Tỷ giá		
USD/VND	26,451	-0.01%
EUR/VND	31,736	0.43%
JPY/VND	181	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.00%
LS LNH 1M	5.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

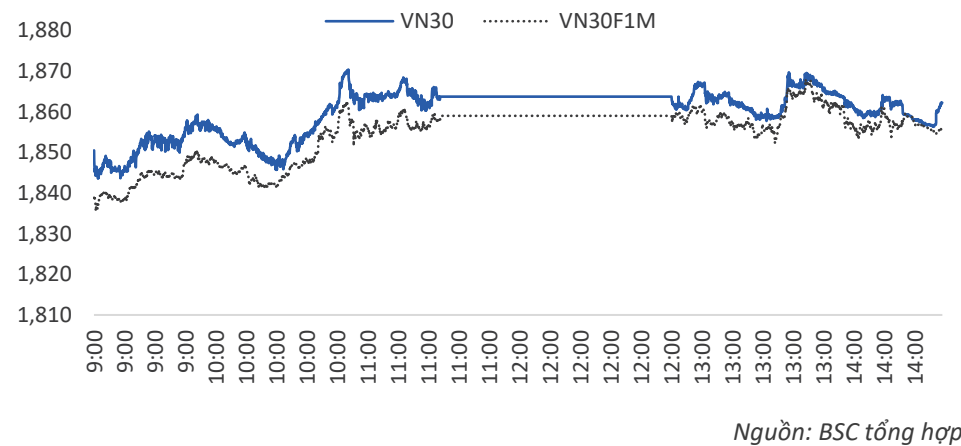
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1851.00	0.58%	627	12.8%	20/11/2025	52
41I1FA000	1855.20	0.83%	268,585	9.7%	16/10/2025	17
VN30F2512	1851.00	0.65%	183	-16.8%	18/12/2025	80
41I1G3000	1829.20	0.61%	87	-34.59%	19/03/2026	171

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +9.58 điểm, đóng cửa tại 1862.23 điểm. Biên độ dao động 32.67 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VPB, HDB, VRE tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp, nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới trong bối cảnh tâm lý thận trọng bao trùm thị trường.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512, 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2513	25/05/2026	238	100	6.13%	147.00	3,640	45.6%	3.61	183.40	172.80	172.80
CVIC2514	25/06/2026	269	100	7.23%	148.89	3,640	45.6%	3.60	185.29	172.80	172.80
CVHM2521	25/05/2026	238	28,100	129.52%	115.68	2,840	43.4%	0.00	138.40	60.30	60.30
CVHM2522	25/06/2026	269	17,300	37.79%	117.69	2,840	43.4%	0.87	140.41	101.90	101.90
CVRE2514	14/10/2025	15	802,800	3.20%	30.00	480	26.3%	0.45	30.96	30.00	30.00
CTCB2517	25/06/2026	269	100	46.17%	46.79	1,970	22.4%	0.44	56.64	38.75	38.75
CVIC2510	3/12/2025	65	128,500	0.83%	110.00	8,030	19.5%	7.97	174.24	172.80	172.80
CVRE2513	15/12/2025	77	660,900	9.20%	30.00	1,380	19.0%	1.05	32.76	30.00	30.00
CVIC2511	4/05/2026	217	82,700	6.75%	113.98	8,810	18.1%	7.82	184.46	172.80	172.80
CHPG2527	4/05/2026	217	2,200	19.59%	27.44	1,690	16.6%	0.99	34.20	28.60	28.60
CVHM2512	20/05/2026	233	3,100	4.02%	58.00	12,000	13.7%	11.43	106.00	101.90	101.90
CVRE2523	25/03/2026	177	14,100	30.13%	35.00	1,010	12.2%	0.37	39.04	30.00	30.00
CVHM2513	14/10/2025	15	105,000	0.05%	74.00	5,590	11.4%	5.61	101.95	101.90	101.90
CSTB2518	11/12/2025	73	34,800	0.42%	44.00	3,210	10.3%	3.31	56.84	56.60	56.60
CVIC2502	27/10/2025	28	5,500	-1.10%	45.00	25,180	10.0%	25.59	170.90	172.80	172.80
CVHM2517	3/12/2025	65	184,300	6.81%	88.89	3,990	9.9%	2.94	108.84	101.90	101.90
CHPG2521	11/12/2025	73	78,600	4.93%	23.32	2,010	9.2%	1.70	30.01	28.60	28.60
CVHM2520	23/07/2026	297	2,500	33.95%	111.90	4,920	9.1%	1.90	136.50	101.90	101.90
CVHM2519	25/05/2026	238	65,900	27.07%	108.20	3,040	9.0%	1.33	129.48	101.90	101.90
CVRE2510	19/12/2025	81	300	1.57%	22.11	2,090	8.9%	2.04	30.47	30.00	30.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 29/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVIC2513 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 45.60%. CVPB2515 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 3.98%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CFPT2502, CTPB2510, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	172.80	5.37%	12.39
VHM	101.90	2.93%	3.21
VPB	31.10	2.30%	2.20
HDB	30.90	2.49%	1.42
VRE	30.00	2.04%	0.80

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	95.50	-2.05%	-2.52
MWG	77.00	-1.16%	-1.42
VJC	129.70	-2.11%	-1.06
VNM	60.30	-1.31%	-0.95
SHB	16.80	-2.33%	-0.78

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	172.80	5.37%	8.29	3.88
VHM	101.90	2.93%	2.82	4.11
VPB	31.10	2.30%	1.31	7.93
GEE	118.70	6.94%	0.69	0.37
HDB	30.90	2.49%	0.62	3.50

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	88.00	2.56%	0.46	0.30
SHS	25.30	2.43%	0.38	0.89
DNP	20.50	7.33%	0.15	0.14
MBS	32.80	0.92%	0.12	0.57
PVI	74.30	0.81%	0.10	0.23

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ICT	19.25	6.94%	0.01	0.19
GEE	118.70	6.94%	0.69	1.87
PNC	28.85	6.85%	0.00	0.01
TPC	12.15	6.58%	0.00	0.03
VIC	172.80	5.37%	8.17	2.46

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTT	22.90	9.57%	0.04	0.00
POT	21.70	8.50%	0.14	0.00
HMH	16.90	8.33%	0.07	0.00
MCO	7.90	8.22%	0.01	0.03
CET	13.30	8.13%	0.03	0.07

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	95.50	-2.05%	-0.77	1.70
VCB	62.60	-0.63%	-0.76	8.36
HVN	35.00	-4.11%	-0.73	2.21
BSR	26.90	-2.18%	-0.42	3.10
SHB	16.80	-2.33%	-0.41	4.59

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	39.30	-2.72%	-0.24	0.33
CEO	26.20	-2.24%	-0.22	0.54
BAB	13.90	-2.11%	-0.19	0.96
HUT	18.10	-1.63%	-0.18	0.89
NVB	14.50	-1.36%	-0.16	1.17

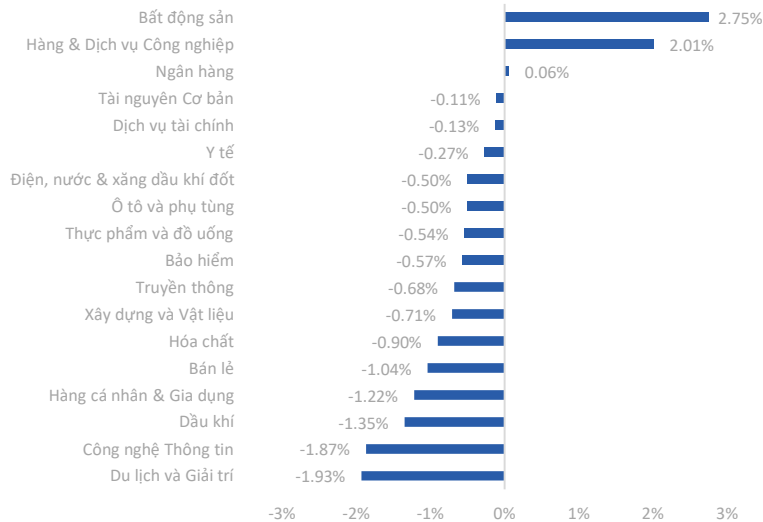
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUEABVNI	10.70	-6.96%	0.00	0.10
PMG	9.00	-6.93%	-0.01	0.00
SMC	15.00	-6.83%	-0.02	0.96
GIL	17.15	-6.79%	-0.03	1.25
DTT	16.80	-6.67%	0.00	0.01

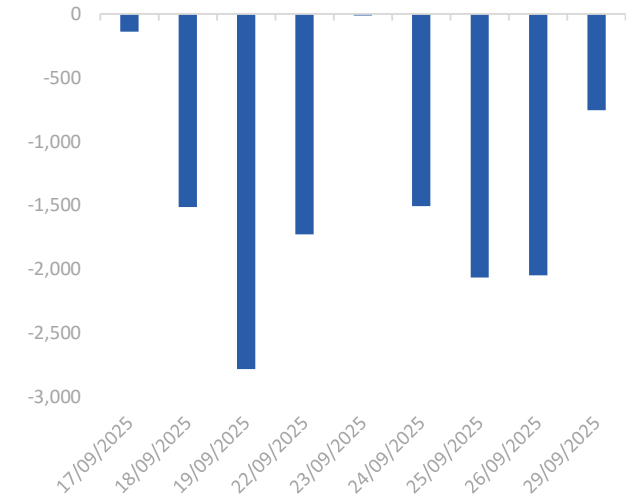
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	77.80	-9.95%	-0.33	0.09
QST	32.00	-9.86%	-0.04	0.00
BCF	38.60	-9.60%	-0.56	0.00
CTP	12.50	-9.42%	-0.06	0.02
VMC	6.00	-9.09%	-0.06	0.03

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.0	-1.2%	1.2	115,172	499.1	3,304	23.6	84,700	47.0%	Link
KBC	Bất động sản	37.3	-0.8%	1.5	35,410	169.9	1,835	20.5	-	12.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.3	-0.7%	1.2	38,716	96.3	716	48.2	39,900	31.0%	Link
PDR	Bất động sản	23.9	-2.7%	1.6	24,054	496.8	177	139.0	28,200	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	101.9	2.9%	0.9	406,634	791.4	6,984	14.2	92,000	9.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.5	-2.1%	1.0	166,092	1117.7	5,092	19.2	118,700	36.9%	Link
BSR	Dầu khí	26.9	-2.2%	0.0	85,264	154.8	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.7	-0.6%	1.4	16,203	55.3	2,644	12.8	42,800	10.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.5	0.8%	1.4	28,403	193.1	1,083	24.3		36.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	37.6	-1.2%	1.2	78,885	1297.7	1,571	24.2		38.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.5	1.2%	1.3	31,072	199.7	1,368	31.4		26.5%	
DCM	Hóa chất	37.7	0.5%	1.5	19,853	54.9	3,186	11.8	47,300	6.5%	Link
DGC	Hóa chất	94.0	-1.5%	1.3	36,231	151.8	8,175	11.7	109,300	12.4%	Link
ACB	Ngân hàng	25.6	-0.2%	0.9	131,755	211.4	3,305	7.8	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.3	-0.6%	1.0	284,716	85.1	3,683	11.0	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.0	0.6%	1.0	272,259	224.5	5,608	9.0	53,500	26.3%	Link
HDB	Ngân hàng	30.9	2.5%	1.2	105,376	419.8	4,075	7.4	30,800	17.0%	Link
MBB	Ngân hàng	26.2	-0.4%	1.0	211,444	430.1	3,046	8.6	32,000	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	13.2	0.4%	1.2	40,872	331.1	1,634	8.0	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	56.6	0.2%	0.8	106,515	814.3	6,148	9.2		18.4%	
TCB	Ngân hàng	38.8	0.1%	1.1	274,238	522.7	3,018	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.9	0.3%	1.3	49,669	138.2	2,423	7.8	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	62.6	-0.6%	0.7	526,408	201.5	4,148	15.2	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	19.8	-0.3%	0.9	67,399	140.0	2,218	8.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.1	2.3%	1.3	241,191	1791.3	2,193	13.9	35,600	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.6	0.2%	1.1	219,135	1241.3	1,750	16.3	34,300	19.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.1	-1.6%	1.2	12,016	78.1	751	25.8	23,800	8.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.8	2.2%	1.4	10,468	146.9	4,124	6.6	31,700	4.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.8	-0.5%	1.4	118,854	390.2	1,861	44.2	92,700	24.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.3	-1.3%	0.4	127,696	311.7	4,101	14.9	64,500	49.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.0	-1.20%	1.4	9,096	41.1	2,216	18.7	22.5%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	128.9	-0.85%	0.8	22,139	52.6	3,163	41.1	30.7%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.2	-0.53%	1.3	41,941	11.7	3,278	17.2	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	24.4	-2.98%	1.4	16,258	791.4	211	118.9	6.5%	1.8%	
DXG	Bất động sản	21.9	-3.96%	1.3	23,180	1074.2	350	65.1	23.6%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	36.8	-0.67%	1.1	6,608	117.6	482	76.9	5.6%	3.8%	
HDG	Bất động sản	33.0	-3.09%	1.6	12,579	144.9	540	63.0	18.8%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	39.3	-2.72%	1.3	15,332	61.8	3,977	10.2	15.5%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.8	1.95%	1.3	15,788	170.5	1,709	24.0	45.2%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	56.0	-2.61%	1.4	13,921	27.8	5,215	11.0	3.7%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.4	-1.71%	1.2	6,300	20.3	1,978	17.7	2.8%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.1	0.23%	1.5	19,111	144.0	1,091	20.2	10.2%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	172.8	5.37%	1.1	631,895	418.6	3,487	47.0	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.0	2.04%	1.1	66,806	137.4	1,937	15.2	17.0%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.5	-0.13%	1.3	8,364	11.6	1,701	23.2	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	34.8	-0.14%	0.8	44,217	35.7	1,661	21.0	15.8%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.7	0.00%	1.3	12,591	102.2	1,428	15.9	3.7%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.3	-0.82%	1.4	12,665	42.9	1,348	27.1	24.9%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	32.8	0.92%	1.8	21,408	98.9	1,505	21.6	5.4%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.5	0.00%	0.8	148,396	23.6	5,002	12.3	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.8	-1.34%	1.0	35,011	105.6	636	23.5	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	-1.96%	0.7	35,912	54.1	4,417	15.0	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	129.7	-2.11%	0.8	78,389	258.6	3,427	38.7	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.4	4.53%	1.1	47,827	895.8	1,736	30.5	7.4%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.8	-0.29%	1.2	29,413	212.7	3,826	18.3	41.9%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	-0.91%	0.9	9,287	62.5	5,700	9.7	5.7%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	0.00%	1.0	8,694	48.9	2,306	8.0	8.7%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.4	-1.40%	0.0	12,154	29.6	3,317	30.1	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	83.5	-1.42%	1.0	28,621	24.1	6,115	13.9	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.0	-0.83%	1.1	3,389	43.8	2,693	11.2	49.7%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.6	-1.01%	1.3	2,428	14.6	2,841	7.0	17.1%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.0	-0.95%	1.3	17,848	41.1	957	27.4	6.7%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.3	-0.88%	2.0	114,000	23.5	1,331	21.4	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	25.7	-0.19%	0.9	47,872	514.8	1,783	14.4	5.0%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	47.8	-0.52%	0.7	143,539	98.2	3,324	14.5	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	14.8	-0.67%	0.0	25,478	17.3	2,260	6.6	1.5%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	12.8	0.39%	1.0	33,954	15.5	1,130	11.3	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	18.2	-0.82%	1.1	8,191	163.2	666	27.5	6.2%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.7	0.18%	1.4	7,362	37.6	1,871	14.8	3.3%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.3	1.00%	0.8	10,610	183.8	1,981	17.6	3.3%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.5	-0.33%	0.9	58,549	26.1	3,185	14.3	58.4%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.5	-3.48%	1.3	13,355	99.3	6,444	9.2	20.9%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.4	-0.77%	0.7	11,747	21.5	13,894	10.3	85.2%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.6	-1.71%	1.3	8,317	65.8	4,565	18.0	47.6%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.5	-0.56%	1.5	10,295	20.0	4,930	18.3	5.8%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.5	-1.09%	1.2	4,637	62.2	2,518	18.3	4.9%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	16.8	0.90%	1.3	8,257	374.1	1,077	15.4	10.4%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.7	-1.34%	1.2	9,317	35.4	1,189	21.9	14.4%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	28.0	1.08%	1.0	17,907	480.4	1,195	23.2	7.9%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	58.9	-1.83%	1.3	26,901	64.0	3,343	18.0	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>